

Bản án số: 196/2024/DS-PT

Ngày: 19 – 6 - 2024

V/v: “Yêu cầu chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận QSD đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** ông **Phạm Tôn**

- **Các thẩm phán:** ông **Nguyễn Văn Tào**

ông **Phạm Văn Hợp**

- **Thư ký phiên tòa:** ông **Phạm Văn Phong** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** ông **Trần Viết Tuấn** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 27/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 02 năm 2024 về việc “Yêu cầu chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận QSD đất”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 58/2023/DS-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo và bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1099/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Đinh Thị Thanh T, sinh năm 1971; nơi cư trú: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, có mặt

- **Bị đơn:** Ông Đinh Như T1, sinh năm 1927; nơi cư trú: khu phố P, phường H, thị xã Đ, Phú Yên, vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đinh Văn Đ, sinh năm 1968; nơi cư trú: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, có mặt

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân thị xã Đ, vắng mặt

2. Ủy ban nhân dân xã H, vắng mặt

3. Bà Đinh Thị Thanh T2, sinh năm 1957; nơi cư trú: thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, vắng mặt

4. Ông Đinh Văn G (chết) có vợ là bà Đỗ Thị Mộng H, sinh năm 1965, các con là Đinh Tú Lâm T3, sinh năm 1983, Đinh Trúc Lâm P, sinh năm 1988; Đinh Hồng S, sinh năm 1997. Bà Đỗ Thị Mộng H ủy quyền cho ông Đinh Văn Đ, có mặt

Cùng cư trú tại: thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

5. Bà Đinh Thị Ngọc T4, sinh năm 1963; nơi cư trú: B T, phường F, thành phố T, tỉnh Phú Yên, vắng mặt

6. Bà Đinh Thị Ngọc H1, sinh năm 1963; nơi cư trú: A N, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên, vắng mặt

7. Vợ chồng ông Đinh Văn Đ, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1972; nơi cư trú: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, có mặt

8. Bà Đinh Thị Lệ H3, sinh năm 1972; nơi cư trú: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, vắng mặt

9. Ông Đinh Văn T5; sinh năm 1975; nơi cư trú: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, vắng mặt

10. Ông Đinh Tấn Đ1; sinh năm 1982; nơi cư trú: khu phố P, phường H, T, tỉnh Phú Yên, vắng mặt

11. Ông Nguyễn Ngọc T6, sinh năm 1980; nơi cư trú: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, vắng mặt

12. Ông Lê Văn T7; nơi cư trú: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

- *Người kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Đinh Thị Thanh Thúy, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đinh Như T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Mộng H là ông Đinh Văn Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Thanh T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/01/2014, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đinh Thị Thanh T trình bày:

Cha mẹ bà là ông Đinh Như T1 và bà Nguyễn Thị T8 (chết năm 2006) có 09 người con: Đinh Thị Thanh T2; Đinh Văn G (chết 1999) có vợ Đỗ Thị Mộng H, con Đinh Tú Lâm T3, Đinh Trúc Lâm P và Đinh Hồng S; Đinh Thị Ngọc T4; Đinh Thị Ngọc H1; Đinh Văn Đ; Đinh Thị Thanh T; Đinh Văn T5; Đinh Tấn Đ1; Đinh Thị Lệ H3. Diện tích đất 2.658,7m² gắn liền nhà ở thuộc thửa số 902, tờ bản đồ số 42-C được UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. (viết tắt GCNQSDĐ) đất ngày 26.6.2012 cho ông T1 và T8, tọa lạc: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Năm 2006, mẹ chết không để lại di chúc, sau đó cha là ông Đinh Như T1 tiến hành lập các thủ tục tặng cho QSD đất cho các anh em để xây dựng nhà ở nhưng không có phần của bà.

Ngoài diện tích đất trên ra thì cha mẹ còn có các diện tích đất khác: 03 hồ tôm diện tích 03 mẫu, tọa lạc: xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa, diện tích đất đất ở gò 3 có mồ mả ông, bà tọa lạc tại khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, diện tích đất ruộng tại Xôi T, P, B, S, Mương C, diện tích đất hầm rau muống khoảng 1000m². Nay bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và hủy các giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đinh Như T1 trình bày: Diện tích đất 2.658,7m² đã được UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông T1 vào ngày 26.6.2012, đất này là do họ tộc giao cho bị đơn xây dựng nhà ở và thờ cúng tộc họ Đinh. Ông T1 và bà T8 là vợ chồng hợp pháp sống chung với nhau có tất cả các người con như nguyên đơn trình bày. Vợ chồng ông T1 có tạo lập được 01 ngôi nhà gắn liền quyền sử dụng đất hiện nay anh Đ1 đã sửa chữa lại và ở, do điều kiện khó khăn nên vợ chồng ông T1 đã chuyển nhượng một số diện tích đất cho các con để lấy tiền lo cho gia đình cụ thể chuyển nhượng cho con Nguyễn Văn T9, Lê Văn T7, Đinh Văn T5, diện tích đất và số tiền bao nhiêu lâu quá không nhớ. Sau đó tiếp tục chia cho các con: Đỗ Thị Mộng H, Đinh Văn Đ, Đinh Văn T5, Đinh Thị Lệ H3, Đinh Tấn Đ1 mỗi người một thửa để xây dựng nhà ở nên diện tích 2.658,7m² đã chuyển nhượng và chia không còn nên ông T1 không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ngoài ra ông thử không còn tài sản nào khác.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Đinh Văn T5 trình bày: Về diện và hàng thừa kế đúng như nguyên đơn trình bày, về nguồn gốc đất cha mẹ ông đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 26.6.2012 là của ông bà nội để lại. Khi cha mẹ còn sống đã chuyển nhượng một phần đất cho ông T6 để lấy tiền chia cho các chị em gái là T, T2, T4, H1 xem như đã nhận lãnh phân, còn chúng tôi Đ, Đ1, T5, H3 thì được cha mẹ chia cho đất cho xây dựng nhà như hiện nay và có nghĩa vụ cúng giỗ nuôi dưỡng cha, đất của ông đang ở đã được UBND thị xã Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khoảng 700m². Toàn bộ diện tích đất của cha mẹ đã chia và chuyển nhượng hết nên có căn cứ chia thừa kế thì ông cũng không nhận.

Bà Đỗ Thị Mộng H và đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà H là vợ của anh Đinh Văn G (chết 1999), vợ chồng bà H có 03 người con là Đinh Tú Lâm T3, Đinh Trúc Lâm P, Đinh Hồng S, Anh Đinh Văn G. Cha mẹ chồng cho bà H một diện tích đất bề 6mx30m bà đã tiến hành làm các thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được cấp nhưng trong thời gian chờ nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà T khởi kiện nên cơ quan cấp tạm dừng giao giấy chứng nhận cho bà H. Do đó yêu cầu tòa xem xét giải quyết theo pháp luật, bà đã nhận 01 thửa đất nên không yêu cầu chia gì thêm.

Ông, bà Đinh Tú Lâm T3, Đinh Hồng S trình bày: Nếu chia thừa kế theo pháp luật thì xin nhận kỹ phần của cha là Đinh Văn G.

Các bà Đinh Thị Ngọc T4, Đinh Thị Ngọc H1 trình bày: Nguyên diện tích đất 2687m² có nguồn gốc của cha mẹ chúng tôi là ông Đinh Như T1, bà Nguyễn Thị T8, trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 có diện tích khoảng 150m², tọa lạc: khu phố P, xã H, Đ, Phú Yên. Ngoài nhà đất trên thì cha mẹ không có tài sản gì khác. Mẹ chúng tôi chết năm 2006 không để lại di chúc, trên diện tích đất còn có các nhà của Đ, T5, Đ1, H3, T9 tự ý xây dựng và tự ý làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất khi chưa có sự đồng ý của các thành viên trong gia đình, nên yêu cầu chia thừa kế phần di sản của mẹ theo quy định pháp luật.

Ông Đinh Văn Đ trình bày: Cha mẹ ông là Đinh Như T1, bà Nguyễn Thị T8, tài sản của cha mẹ gồm có diện tích đất khoảng 2687m² và 01 ngôi nhà cấp 4, toàn bộ ngôi nhà gắn liền quyền sử dụng đất khi cha mẹ còn sống đã chia, bán cho các con trong nhà, đến nay không còn diện tích đất nào khác để chia cho bà T như bà T yêu cầu.

Bà Đinh Thị Lệ H3, ông Trương Ngọc H4 trình bày: Về diện, hàng thừa kế và tài sản của cha mẹ để lại đúng như nguyên đơn trình bày. Đất chúng tôi đang ở là do ông T1 chuyển nhượng cho vợ chồng tôi và đã xây dựng nhà ở ổn định, được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà T khởi kiện thì giữa bà T và cha chúng tôi tự giải quyết, chúng tôi không liên quan và cũng không nhận thừa kế nếu được chia.

Bà Đinh Thị Thanh T2 trình bày: Về diện, hàng thừa kế và tài sản của cha mẹ đúng như nguyên đơn trình bày, mẹ chết năm 2006 không để lại di chúc trên đất này ông Đinh Văn Đ xây dựng nhà khoảng 200m², Đinh Văn T10 đã xây dựng nhà khoảng 150m², khi xây dựng nhà lúc đó cha mẹ tôi còn sống. Vào tháng 10 năm 2017 ông Đinh Văn T5 tiếp tục xây dựng nhà 150m² và bà Đinh Thị Lệ H3 xây dựng nhà khoảng 200m², ông Đinh Văn Đ xây dựng nhà khoảng 100m², ông Đinh Tấn Đ1 xây dựng nhà khoảng 120m², bà Đinh Thị Lệ H3 xây tường chiếm một diện tích khoảng 150m², cháu Nguyễn Văn T9 (con ông C1) xây dựng nhà khoảng 150m². Số diện tích còn lại chưa ai sử dụng nên yêu cầu chia thừa kế phần của mẹ theo pháp luật còn việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các anh em là không đúng đề nghị Tòa hủy để cấp lại cho đúng quy định của pháp luật.

Ông Đinh Tấn Đ1 trình bày: Hiện nay bà T không có chỗ ở nên đồng ý chia thừa kế phần của mẹ, chia thừa đất đã giao cho bà H cho bà T để gia đình bà T xây dựng nhà ở .

Ông Nguyễn Ngọc T6 trình bày: Vào năm nào ông không nhớ giữa ông và gia đình ông T1 thỏa thuận chuyển nhượng một diện tích đất, có sự đồng ý của các thành viên của gia đình nên ông đã xây dựng nhà ở ổn định cho đến nay. Đất này đã được UBND thị xã Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà T yêu cầu chia thừa kế ông không có ý kiến yêu cầu Tòa xét.

Bà Trần Thị Kim L vợ ông Nguyễn Ngọc T11 trình bày: Diện tích đất của chúng tôi đã được ông T1, bà T8 chuyển nhượng và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng nhà ở ổn định cho đến nên bà T yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất là không có căn cứ.

Đại diện UBND phường H trình bày: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại công văn số 1401/UBND-TNMT ngày 24.4.2019 UBND huyện (nay là thị xã) Đông Hòa trình bày: yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đinh Thị Thanh T là không có căn cứ, yêu cầu Tòa xem xét theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 58/2023/DS-ST ngày 21/9/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định:

Căn cứ Điều 34, 147, 157, 165, 228 Bộ luật TTDS; Điều 32 Luật TTHC; 609, 611, 612, 613, 649, 650, 651, 652 BLDS.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Đinh Thị Thanh T theo đơn khởi kiện ngày 10/01/2014.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00554 ngày 26/8/2013 do UBND thị xã Đ cấp đứng tên bà Đỗ Thị Mộng H.

Bà Đinh Thị Thanh T được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1645, tờ bản đồ số 42-C, với diện tích 168m² tọa lạc tại thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00554 ngày 26/8/2013 do UBND thị xã Đ cấp đứng tên bà Đỗ Thị Mộng H.

Buộc bà H và những người thừa kế của bà T8 gồm Ông T1; bà T2; ông G (chết) có thừa kế thế vị bà T3, bà P, ông S; bà T4; bà H1; ông Đ; ông T5; ông Đ1 và bà H3 phải có nghĩa vụ giao quyền sử dụng đất nêu trên cho bà T đúng như hiện trạng sử dụng đất. Bà T được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền kê khai quyền sử dụng đất, làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu.

Ông Đinh Như T1 phải có nghĩa vụ giao cho bà Đinh Thị Thanh T2, bà Đinh Thị Ngọc T4, Đinh Thị Ngọc H1 và thừa kế thế vị của ông Đinh Văn G do bà Đỗ Thị Mộng H nhận (đại diện cho các con của ông G), mỗi người một kỷ phần là 59.164.150đ.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với các diện tích đất hồ nuôi tôm, đất trồng lúa, đất trồng rau muống và đất gò 3.

Không xem xét công sức tôn tạo quản lý di sản cho bị đơn.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

- Ngày 05/10/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 09/QĐ-VKS-DS với nội dung: Kháng nghị toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 58/2023/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử theo hướng hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho TAND tỉnh Phú Yên thụ lý, giải quyết theo quy định.

- Ngày 29/9/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên nhận được đơn kháng cáo của bà Đinh Thị Thanh T với nội dung: Đề nghị chia thừa kế đối với các thửa đất khác gồm đất hồ tôm, gò 3 và đất ruộng; (kèm theo kháng cáo là danh sách mục kê đất ruộng của bà T8 ông T1).

- Ngày 25/9/2023, người đại diện theo ủy quyền của ông Đinh Như T1 là ông Đinh Văn Đ kháng cáo đề nghị cho nguyên đơn nhận giá trị bằng tiền; người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Thanh T2 kháng cáo bản án về việc hủy GCNQSDĐ đất đã cấp cho bà Đỗ Thị Mộng H giao cho bà T;

- Ngày 21/9/2023, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Mộng H là ông Đinh Văn Đ kháng cáo toàn bộ bản án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự để chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên và kháng cáo của những người kháng cáo, hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 58/2023/DS-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng. Ông Đinh Văn Đ được ông Đinh Như T12 tặng cho thửa 1647 diện tích 607m² là một phần trong di sản thừa kế, hiện ông Đ đang thế chấp vay vốn tại Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã Đ, tỉnh Phú Yên và Ngân hàng K chi nhánh P1. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa các Ngân hàng này vào tham gia tố tụng là ảnh hưởng đến quyền và lợi hợp pháp các Ngân hàng.

[1.1] Đối với các di sản khác gồm: Đất trồng rau muống, đất tại gò 3 và đất hồ tôm, có tổng diện tích 7860m² có số mục kê (BL 316). Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn không cung cấp được thông tin địa chính và không nộp tiền chi phí tố tụng (đo đạc, thẩm định giá) nên không xem xét yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn cho rằng không nhận bất cứ văn bản tài liệu gì về việc thẩm định giá của Tòa án cấp sơ thẩm.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên và kháng cáo của nguyên đơn bà Đinh Thị Thanh T, đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì thấy;

[2.1] Bà Nguyễn Thị T8 (chết năm 2006) có chồng là ông Đinh Như T1, có 09 người con chung gồm: Bà Đinh Thị Thanh T2, Đinh Văn G (chết năm 1999), Đinh Thị Ngọc T4, Đinh Thị Ngọc H1, Đinh Văn Đ, Đinh Thị Thanh T, Đinh Văn T5, Đinh Tấn Đ1, Đinh Thị Lệ H3. Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của bà T8 gồm 10 người gồm ông T1 và 09 người con. Riêng ông Đinh Văn G chết trước bà T8 nên các con ông G là Đinh Tú Lâm T3, Đinh Trúc Lâm P, Đinh Hồng S được thừa kế thế vị theo Điều 652 BLDS 2015.

Di sản thừa kế yêu cầu chia (đất tại gò 3 và đất hồ tôm, có tổng diện tích 7860m²) và 2.658,7m² (trong đó 200m² đất ONT + 2456,7m² đất HNK) thuộc

thửa đất 902, tờ bản đồ 42-C đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 318427, số vào sổ GCN CH00364 cấp ngày 26/6/2012 đứng tên ông Đinh Như T1. Sau khi bà T8 chết, ông T1 tách diện tích 2.658,7m² thành 07 thửa, tặng cho các con: Đỗ Thị Mộng H (vợ ông G) diện tích 168m², vợ chồng Đinh Văn Đ diện tích 607m², Đinh Thị Lệ H3 505m², Đinh Văn T5 792m², Đinh Tấn Đ1 274,7m². Tổng cộng: 2.346,7m², diện tích còn lại 312m² ông đã chuyển nhượng cho các ông: Nguyễn Ngọc T6, Lê Văn T7 để chi phí gia đình.

Như vậy, diện tích 2.658,7m² đất thuộc thửa 902, tờ bản đồ 42-C là tài sản chung của vợ chồng ông Đinh Như T1 và bà Nguyễn Thị T8. Bà T8 chết không để lại di chúc và hiện trạng sử dụng đất đã có sự biến động tách thành 07 thửa. Ông Đinh Như T1 lập thủ tục tặng cho các con mà không có sự đồng thuận của các đồng thừa kế là không đúng pháp luật.

Theo bản án sơ thẩm bà Nguyễn Thị T8 (chết năm 2006) không có di chúc nên yêu cầu của bà Đinh Thị Thanh T chia diện tích đất của bà T8 theo quy định pháp luật là phù hợp. *Di sản của bà T8 được xác định: 2.658,7m² : 2 = 1.329,3m². 10 kỷ phần nên mỗi kỷ phần được nhận là 132,93m² tương đương với số tiền 59.164.150đ.*

Quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm riêng các bà: Đinh Thị Thanh T, bà Đinh Thị Thanh T2, bà Đinh Thị Ngọc T4 và bà Đinh Thị Ngọc H1 yêu cầu, hủy các GCNQSDĐ và chia di sản của bà T8; các đương sự còn lại đã được cho đất và cấp GCNQSDĐ không yêu cầu.

[2.2] Xét thấy, mỗi kỷ phần thừa kế được nhận là 132,93m² nhưng bà Đỗ Thị Mộng H (vợ ông G) diện tích 168m², vợ chồng Đinh Văn Đ diện tích 607m², Đinh Thị Lệ H3 505m², Đinh Văn T5 792m², Đinh Tấn Đ1 274,7m². Thực tế, đã nhận diện tích lớn hơn nhiều với một kỷ phần được hưởng là xâm phạm lợi ích hàng thừa kế còn lại. Việc cấp sơ thẩm buộc ông Đinh Như T1 phải có nghĩa vụ giao cho bà Đinh Thị Thanh T2, bà Đinh Thị Ngọc T4, Đinh Thị Ngọc H1 và thừa kế thế vị của ông Đinh Văn G do bà Đỗ Thị Mộng H nhận (đại diện cho các con của ông G) mỗi người một kỷ phần là 59.164.150đ là chưa đánh giá khách quan và toàn diện vụ án.

[2.3] Đối với, bà Đỗ Thị Mộng H (vợ ông G) đã được tặng cho diện tích 168m², vợ chồng Đinh Văn Đ diện tích 607m², Đinh Thị Lệ H3 505m², Đinh Văn T5 792m², Đinh Tấn Đ1 274,7m² quá trình giải quyết vụ án đều khai không nhận di sản thừa kế. Tòa cấp sơ thẩm cũng chưa xem xét đánh giá là thiếu sót. Thực tế, các ông bà nêu trên đã nhận tài sản của bố mẹ để lại và được cấp GCNQSDĐ sau thời điểm bà Nguyễn Thị Thanh c năm 2006 nhưng không được sự đồng thuận của hàng thừa kế thứ nhất. Do vậy, khi xét xử lại nếu không có tài liệu, chứng cứ nào mới thì nên xem xét lại việc phân chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật và tính hợp pháp của việc cấp các GCNQSDĐ theo đúng quy định pháp luật.

[2.4] Đối với việc xem xét, thẩm định tại chỗ còn quá nhiều thiếu sót. Do vậy, khi đo đạc lại nếu có đương sự cản trở không hợp tác thì áp dụng đúng các quy định về tổ tụng, căn cứ vào GCNQSDĐ được cấp để định giá. Cần phải đo vẽ cụ thể diện tích và mô tả tài sản và giá trị trên từng thửa để khi phân chia di sản

khẩu trừ hoặc tính phần chênh lệch tăng, giảm của các hàng thừa kế và cần quan tâm giá trị các thửa đất ở vị trí thuận lợi.

[3] Do đó, khi xem xét giải quyết việc chia di sản thừa kế, Tòa án cấp sơ thẩm phải làm rõ quá trình sử dụng, đăng ký biến động thành nhiều thửa đất, quá trình chuyển nhượng, thời gian chuyển nhượng và hiện trạng các công trình, tài sản được xây dựng trên các thửa đất. Xác định cụ thể giá trị phần di sản mỗi hàng thừa kế được nhận, xem xét đến quyền từ chối nhận di sản của một số hàng thừa kế trong vụ án thì mới có cơ sở xác định phân chia di sản, giao di sản và thực hiện nghĩa vụ tài sản chênh lệch. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ trên yêu cầu khởi kiện và nguyện vọng nhận di sản bằng hiện vật của nguyên đơn để hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Đỗ Thị Mộng H và giao phần diện tích 168m² thuộc thửa đất số 1645, tờ bản đồ 42-C cho bà T quản lý sử dụng là thiếu căn cứ.

Đồng thời, quá trình sử dụng đất ông Đinh Như T1 có thực hiện thủ tục chuyển đổi 260m² đất trồng cây lâu năm thành đất ở cần được xem xét. Khi giao cho bà T phần diện tích 168m² thuộc thửa đất số 1645, tờ bản đồ 42-C thì phải xác định giá trị thửa đất số 1645, tờ bản đồ 42-C là giá trị bao nhiêu thì mới có cơ sở xác định nghĩa vụ của bà T phải bồi đắp phần tài sản chênh lệch cho các hàng thừa kế còn lại.

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông T1 phải có nghĩa vụ thanh toán giá trị bằng tiền cho các bà T4, H1, T2, ông G (chết) có thừa kế thế vị là các ông bà T3, P, S mỗi kỹ phần: 59.164.150đ và những người thừa kế còn lại đã nhận tài sản bằng hiện vật từ chối nhận di sản nên không xem xét là ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T1.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, HĐXX phúc thẩm xét thấy, cấp sơ thẩm bỏ sót yêu cầu của người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những vi phạm nêu trên không thể khắc phục được nên cần thiết phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên để giải quyết lại theo thủ tục chung. Do hủy án sơ thẩm nên không xét kháng cáo các bên đương sự. Chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

[4] Về án phí DSPT: Do hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Các chi phí tố tụng khác sẽ được xem xét khi xử lại vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự,

Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 09/QĐ-VKS-DS ngày 05/10/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên.

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2023/DS-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên để giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Đỗ Thị Mộng H và bà Đinh Thị Thanh T2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà Đỗ Thị Mộng H 300.000 đồng, bà Đinh Thị Thanh T2 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo tại Biên lai thu số: 0003957 ngày 24/10/2023; 0003989 ngày 14/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tôn